

Bản án số: 92/2020/KDTM-ST
Ngày: 05-11-2020
V/v tranh chấp hợp đồng
cung ứng dịch vụ

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tô Trần Ái Vy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Bảo Lân
2. Ông Đỗ Tiến Bình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Ngọc Lữ – Là thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình tham gia phiên tòa: Bà Võ Ngọc Liên Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 11 năm 2020 tại Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 26/2020/TLST-KDTM ngày 05 tháng 3 năm 2020 về “tranh chấp hợp đồng cung ứng dịch vụ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 302/2020/QĐXXST-KDTM ngày 10 tháng 9 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 209/2020/QĐST-KDTM ngày 08 tháng 10 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH Đ

Địa chỉ: B163 Khu phố 3, đường Q, phường T, Quận M, Thành phố C.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Lê Nguyễn Bảo H, địa chỉ liên lạc: Tầng 7, số 99 Đường P, phường K, Quận M, Thành phố C là người đại diện theo ủy quyền (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Bích T, địa chỉ liên lạc: Tầng 7, số 99 Đường P, phường K, Quận M, Thành phố C là Luật sư của Công ty Luật S thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

2. Bị đơn: Công ty M

Địa chỉ: 9/35 Đường V, Phường M, quận B, Thành phố C.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lại Vũ Thế P, chức danh: Chủ tịch HĐQT, địa chỉ: 119/60 Đường T, Phường B, Quận B1, Thành phố C là người đại diện theo pháp luật (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 11/02/2020 của nguyên đơn Công ty TNHH Đ, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn có người đại diện theo ủy quyền là bà Lê Nguyễn Bảo H trình bày: Công ty TNHH Đ (sau đây gọi tắt Công ty Đ) có ký kết với Công ty M (sau đây gọi tắt Công ty M) hợp đồng cung cấp lắp đặt hệ thống điện năng lượng mặt trời số: 0507/2018HĐ/NSD-DAT ngày 05/7/2018. Theo nội dung hợp đồng, Công ty Đ sẽ bán và lắp đặt hệ thống Điện mặt trời 54KW cho Công ty M, tổng giá trị hợp đồng là 1.321.551.000 đồng, việc thanh toán được chia thành nhiều đợt và tất toán trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày lắp đặt nghiệm thu hệ thống. Ngày 25/7/2018, Công ty Đ đã hoàn thành lắp đặt nghiệm thu, hai bên đã ký kết biên bản nghiệm thu. Ngày 29/8/2018, Công ty Đ đã xuất hóa đơn số 0002621 cho toàn bộ giá trị hợp đồng là 1.321.551.000 đồng. Ngày 06/8/2018, Công ty Đ cung cấp và lắp đặt thêm cho Công ty M hệ thống IMARS 54 KW với chi phí là 27.390.000 đồng, việc lắp đặt đã hoàn tất và Công ty Đ cũng đã xuất hóa đơn số 002642 ngày 30/8/2018 tương ứng với số tiền trên. Tổng số tiền mà Công ty M nợ Công ty Đ là 1.348.941.000 đồng, Công ty M đã thanh toán 614.310.200 đồng. Tại biên bản xác nhận thanh toán ngày 31/01/2019 Công ty M xác nhận hiện còn nợ Công ty Đ số tiền 734.630.800 đồng và cam kết sẽ hoàn tất khoản nợ trên chậm nhất vào ngày 23/02/2019.

Công ty Đ đã nhiều lần yêu cầu Công ty M thanh toán nhưng Công ty M không thực hiện. Nay Công ty Đ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty M thanh toán ngay cho Công ty Đ số tiền còn nợ là 734.630.800 đồng và tiền lãi chậm thanh toán theo mức lãi suất 9%/năm, tạm tính từ ngày 24/02/2019 đến ngày 05/11/2020 là 112.398.512 đồng, tổng số tiền là 847.029.312 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Công ty Giải Pháp Mới vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án tiến hành tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ và không có văn bản trình bày ý kiến của mình.

Tại phiên tòa:

Luật sư bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Công ty Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện theo đơn khởi kiện đề ngày 11/02/2020, cụ thể: Yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty M thanh toán ngay cho Công ty Đ số tiền còn nợ là 734.630.800 đồng và tiền lãi chậm thanh toán theo mức lãi suất 9%/năm, tạm tính từ ngày 24/02/2019 đến ngày 05/11/2020 là 112.398.512 đồng, tổng số tiền là 847.029.312 đồng. Yêu cầu trả ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Lê Nguyễn Bảo H thống nhất với lời trình bày của luật sư và không có bổ sung gì.

Bị đơn Công ty M đã được triệu tập họp lệ đến lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu:

- Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng, quan hệ pháp luật tranh chấp. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm như: Nguyên tắc xét xử, thành phần Hội đồng xét xử, sự có mặt của các thành viên Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, sự có mặt của những người tham gia tố tụng tại phiên Tòa.

- Về nội dung: Căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đại diện nguyên đơn tại phiên tòa đã đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn thanh toán công nợ gốc và lãi còn thiếu ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện giữa Công ty Đ và Công ty M có ký kết hợp đồng số: 0507/2018HĐ/NSD-DAT ngày 05/7/2018 về việc cung cấp và lắp đặt hệ thống điện năng lượng mặt trời nên có cơ sở xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là "Tranh chấp hợp đồng cung ứng dịch vụ". Đây là tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh thương mại giữa 2 pháp nhân có đăng ký kinh doanh và đều có mục đích lợi nhuận. Xét thấy Công ty M có trụ sở hoạt động tại: 9/35 Phạm Văn Hai, Phường 1, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa: Nguyên đơn Công ty Kỹ thuật Đạt có người đại diện theo ủy quyền là bà Lê Nguyễn Bảo Hân có mặt. Luật sư bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Bích Thủy có mặt. Bị đơn Công ty M đã được triệu tập họp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về áp dụng pháp luật nội dung:

[3.1] Xét nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán ngay cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là 734.630.800 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ vào hợp đồng cung cấp lắp đặt hệ thống điện năng lượng mặt trời số: 0507/2018HĐ/NSD-DAT ngày 05/7/2018, hóa đơn giá trị gia tăng số 0002621 ngày 29/8/2018, hóa đơn giá trị gia tăng số 002642 ngày 30/8/2018,

giấy xác nhận thanh toán ngày 31/01/2019 của bị đơn, lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì có căn cứ xác định giữa nguyên đơn và bị đơn có ký kết hợp đồng cung cấp lắp đặt hệ thống điện năng lượng mặt trời số: 0507/2018HĐ/NSD-DAT ngày 05/7/2018 với nội dung: Công ty Đ sẽ bán và lắp đặt hệ thống Điện mặt trời 54KW cho Công ty M, tổng giá trị hợp đồng là 1.321.551.000 đồng, việc thanh toán được chia thành nhiều đợt và tất toán trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày lắp đặt nghiệm thu hệ thống. Ngày 06/8/2018, hai bên thỏa thuận Công ty Đ sẽ cung cấp và lắp đặt thêm cho Công ty M hệ thống IMARS 54 KW với chi phí là 27.390.000 đồng. Công ty Đ đã thực hiện đúng thỏa thuận. Như vậy, tổng số tiền Công ty M nợ Công ty Đ là 1.348.941.000 đồng, Công ty M đã thanh toán 614.310.200 đồng, hiện còn nợ lại 734.630.800 đồng. Hợp đồng thỏa thuận thời hạn thanh toán 100% giá trị trong vòng 30 ngày kể từ ngày nghiệm thu và tại biên bản xác nhận thanh toán ngày 31/01/2019 Công ty M xác nhận hiện còn nợ Công ty Đ số tiền 734.630.800 đồng và cam kết sẽ hoàn tất khoản nợ trên chậm nhất vào ngày 23/02/2019. Tuy nhiên bị đơn đã không thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn là vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Do vậy, nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán ngay 01 lần cho nguyên đơn số tiền còn nợ 734.630.800 đồng là có căn cứ để chấp nhận theo quy định tại Điều 50 của Luật thương mại năm 2005.

[3.2] Xét nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi chậm trả tạm tính từ ngày 24/02/2019 đến Tòa án xét xử là ngày 05/11/2020 theo mức lãi suất 9%/năm, Hội đồng xét xử nhận định:

Hai bên thỏa thuận trong hợp đồng cung cấp lắp đặt hệ thống điện năng lượng mặt trời số: 0507/2018HĐ/NSD-DAT ngày 05/7/2018 thì thời hạn thanh toán 100% giá trị trong vòng 30 ngày kể từ ngày lắp đặt và nghiệm thu. Ngày 25/7/2018, Công ty Đ đã hoàn thành lắp đặt nghiệm thu, hai bên đã ký kết biên bản nghiệm thu. Ngày 29/8/2018, Công ty Đ đã xuất hóa đơn số 0002621 cho giá trị hợp đồng là 1.321.551.000 đồng. Ngày 30/8/2018, Công ty Đ đã xuất hóa đơn số 002642 ngày 30/8/2018 đối với phát sinh cho việc cung cấp và lắp đặt thêm hệ thống IMARS 54 KW. Nguyên đơn đã cung cấp và lắp đặt hệ thống điện năng lượng mặt trời cho bị đơn theo đúng thỏa thuận nhưng bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Đến ngày 31/01/2019 bị đơn có văn bản xác nhận thanh toán gửi cho nguyên đơn xác nhận sẽ hoàn tất khoản còn nợ chậm nhất vào ngày 23/02/2019. Do đó việc nguyên đơn yêu cầu lãi chậm trả tính từ ngày 24/02/2019 là có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Theo bảng cập nhật lãi suất cho vay có hiệu lực từ tháng 03/2020 của Ngân hàng TMCP ngoại thương Việt Nam thì mức lãi suất là 11,10%/năm; Ngân hàng TMCP công thương Việt Nam là 10,5%/năm; Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam là 10,5%/năm. Như vậy, lãi suất bình quân là 10,7%/năm, lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm xét xử là 16,05%/năm. Nguyên đơn yêu cầu tính lãi chậm trả từ ngày 24/02/2019 đến ngày 05/11/2020 theo lãi suất cơ bản của ngân hàng Nhà nước

là 9%/năm với số tiền là 112.398.512 đồng . Căn cứ theo Điều 306 của Luật thương mại năm 2005, Điều 11 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao xét mức lãi suất mà nguyên đơn yêu cầu là không trái quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.3] Xét Công ty Phân Phối Mới vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Công ty Đ yêu cầu Công ty Phân Phối Mới trả nợ một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là phù hợp nên chấp nhận.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình về việc giải quyết vụ án là có cơ sở, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì Công ty M phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 37.410.879 đồng. Hoàn tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn là 18.424.455 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 50 và 306 Luật Thương mại năm 2005; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự; Điều 11 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc Công ty M có trách nhiệm thanh toán cho Công ty TNHH Đ số tiền nợ gốc là 734.630.800 (Bảy trăm ba mươi bốn triệu sáu trăm ba mươi ngàn tám trăm) đồng và tiền lãi là 112.398.512 (Một trăm mười hai triệu ba trăm chín mươi tám ngàn năm trăm mười hai) đồng, tổng cộng là 847.029.312 (Tám trăm bốn mươi bảy triệu không trăm hai mươi chín ngàn ba trăm mười hai) đồng, trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty M phải chịu là 37.410.879 (ba mươi bảy triệu bốn trăm mười ngàn tám trăm bảy mươi chín) đồng.

Hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho Công ty TNHH Đ số tiền 18.424.455 (Mười tám triệu bốn trăm hai mươi bốn ngàn bốn trăm năm mươi lăm) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0039934 ngày 25/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình.

3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Công ty TNHH Đ được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Công ty M được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TANDTP. Hồ Chí Minh;
- VKSND Q.Tân Bình;
- Chi cục THADS Q.Tân Bình;
- Các đương sự;
- Lưu văn phòng, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Tô Trần Ái Vy

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tô Trần Ái Vy

Nơi nhận:

- TANDTP. Hồ Chí Minh;
- VKSND Q.Tân Bình;
- Chi cục THADS Q.Tân Bình;
- Các đương sự;
- Lưu văn phòng, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Tô Trần Ái Vy